CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Kính Đáp Cầu

Ngày 30/06/2025	4,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	29.4%	**-4.3%**	**-**

DT thuần
Q2/25
13.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.34| 48.0%
YoY: ▼3.90| -22.9%

LN thuần
Q2/25
-0.56
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.48| 72.6%
YoY: ▲ 3.02| 84.4%

LN sau thuế
Q2/25
-1.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.34| 55.2%
YoY: ▲ 3.73| 77.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-6.6%
YoY: +/-▲ 17.8%

ROE (TTM)
Q2/25
3010%
YoY: +/-▲ 3691%

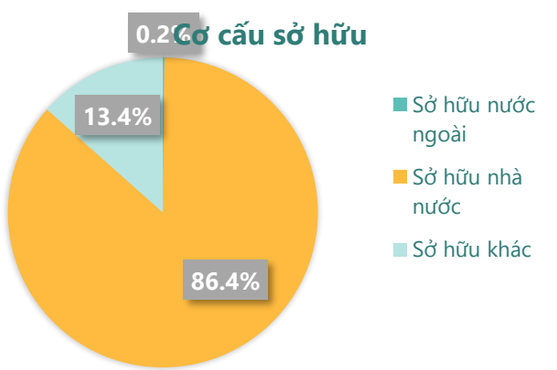
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,400 - 6,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	132
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	310
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	(0.06)
EPS	-445
P/E	-9.9

DT thuần
6T 2025
22.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.70| -20.3%

LN thuần
6T 2025
-2.60
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.75| 59.0%

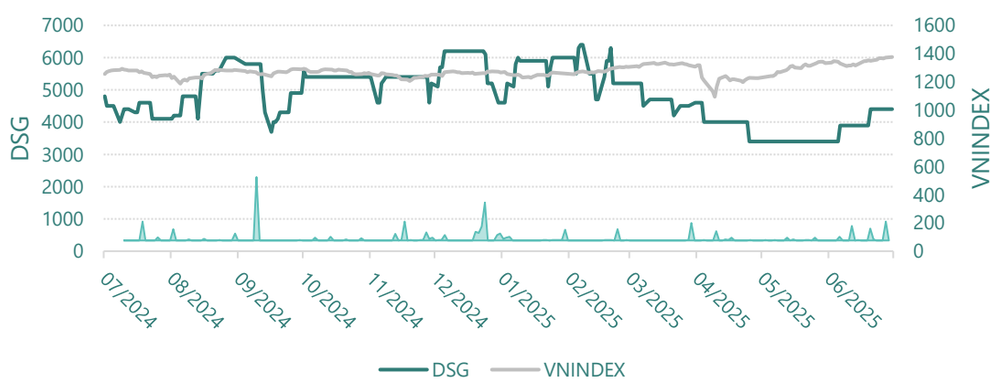
LN sau thuế
6T 2025
-3.52
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.29| 60.0%

Cơ cấu sở hữu

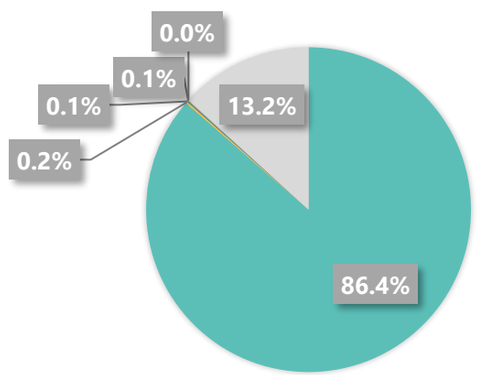


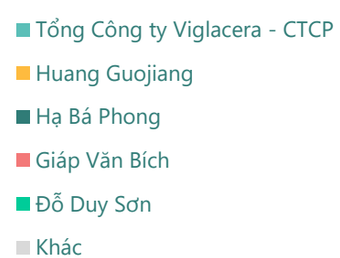
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

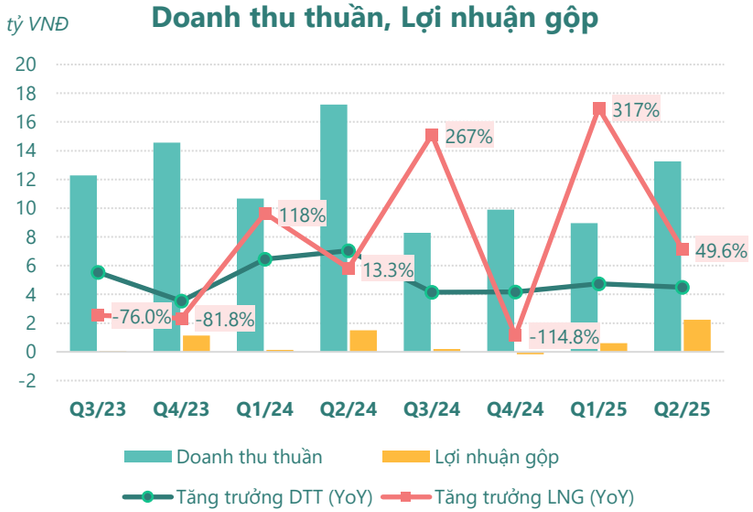




(Nguồn: fireant.vn)

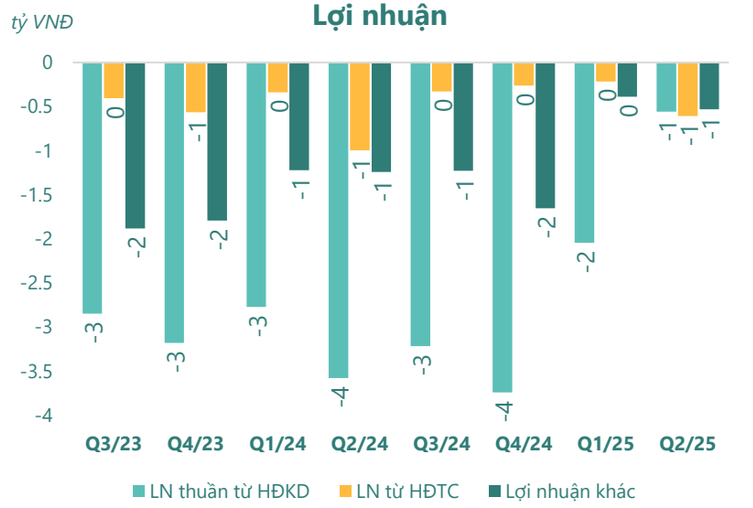
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



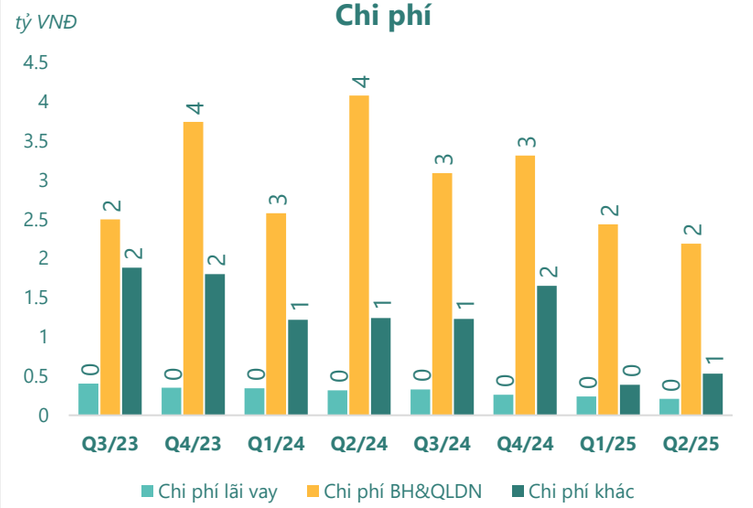
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



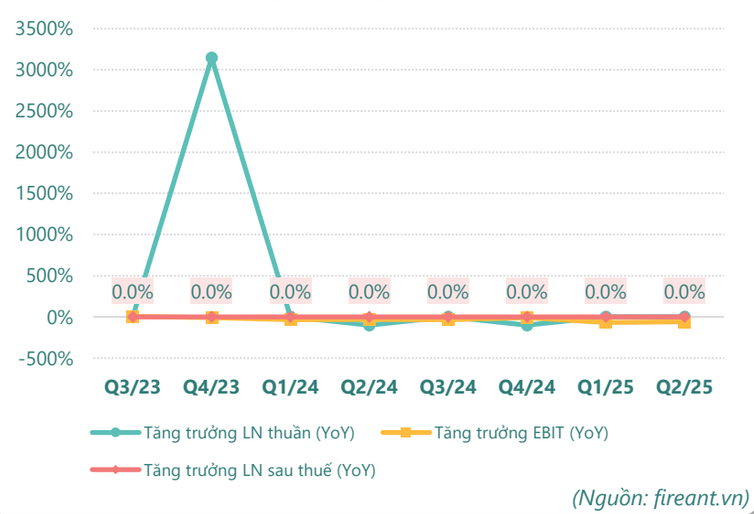
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



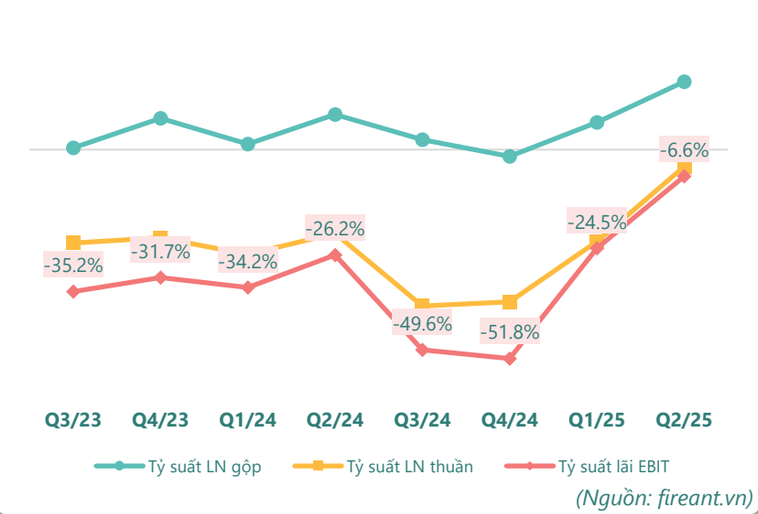
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



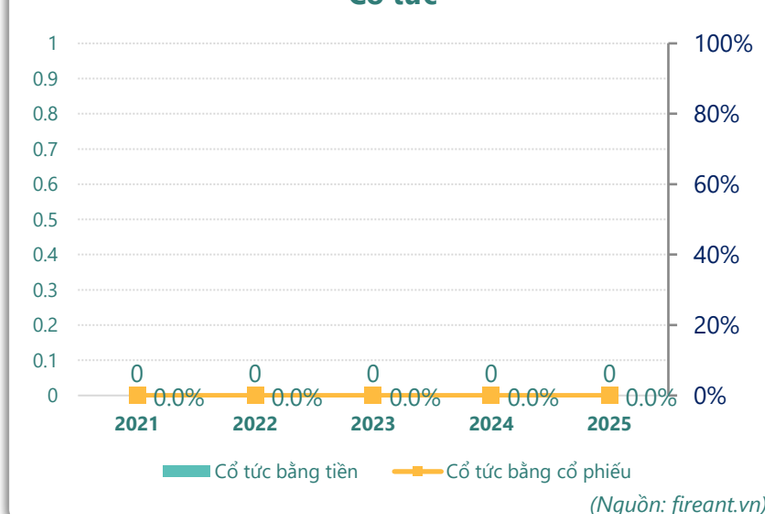
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

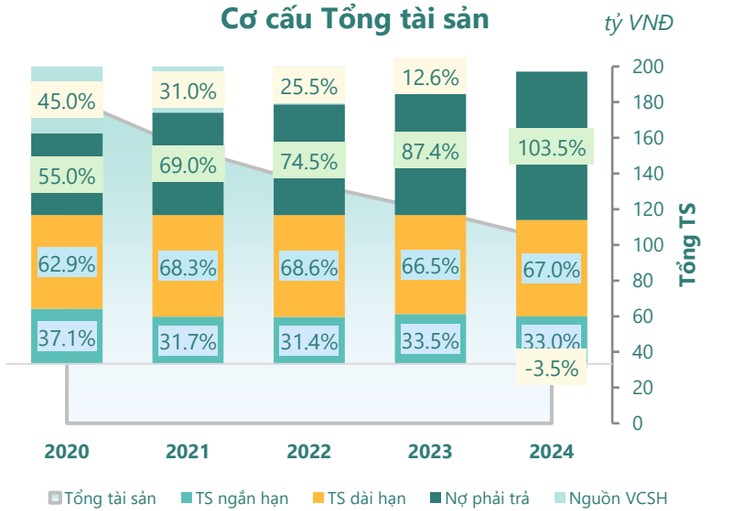
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

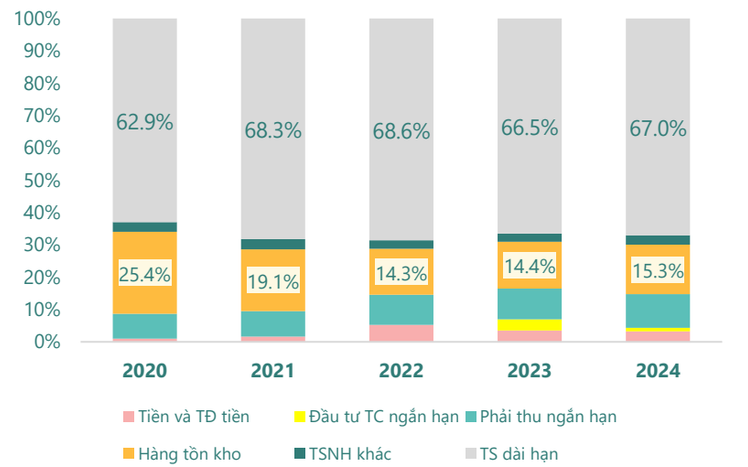
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



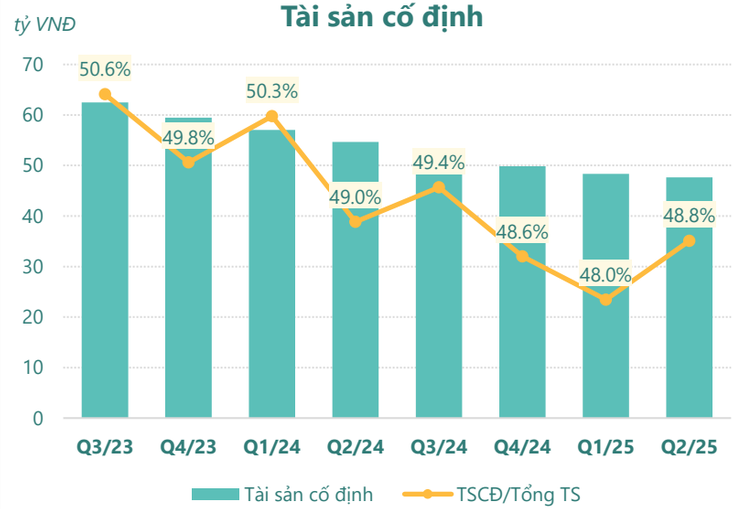
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



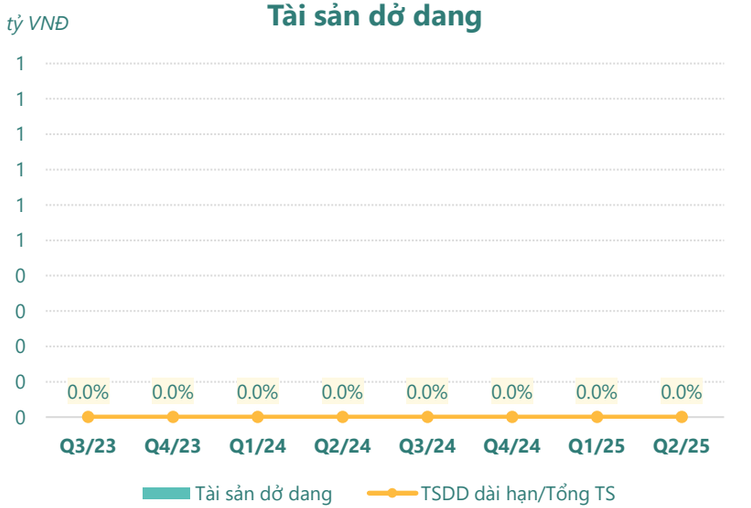
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



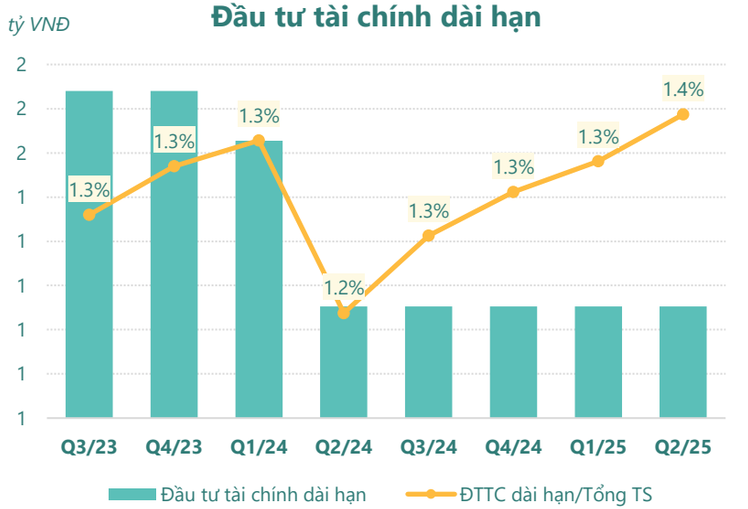
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



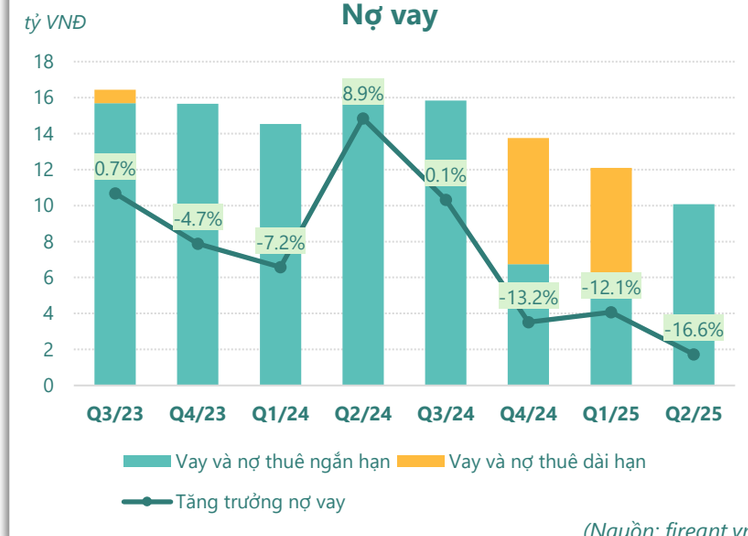
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

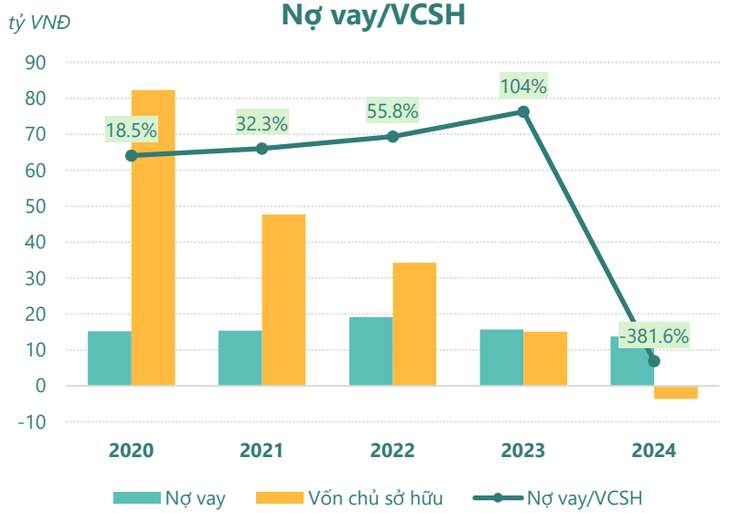
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



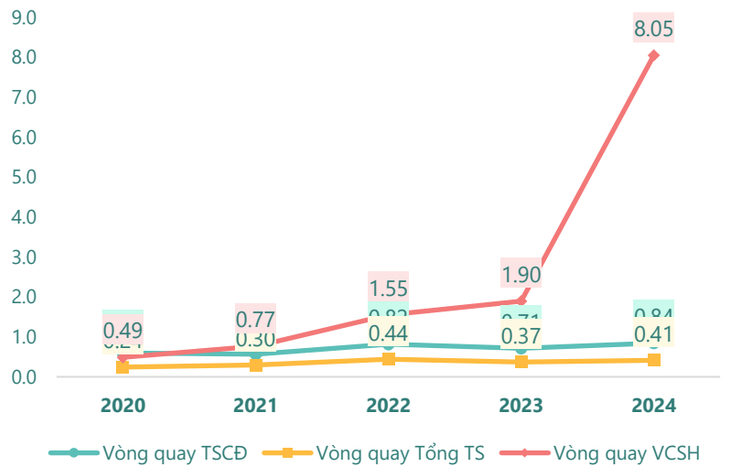
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



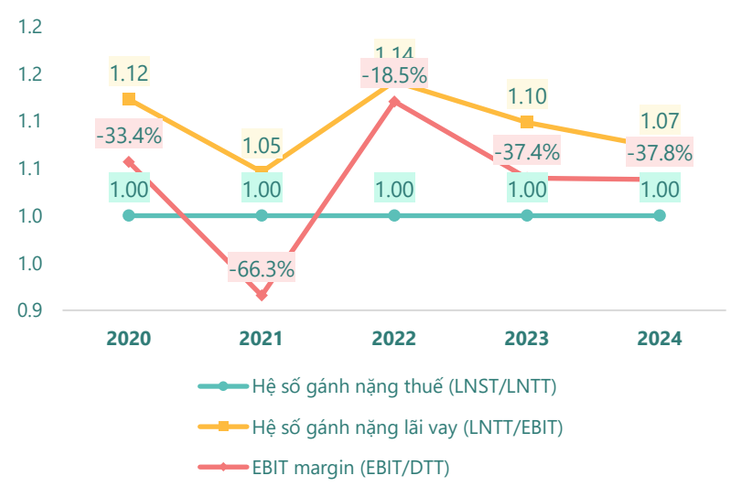
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



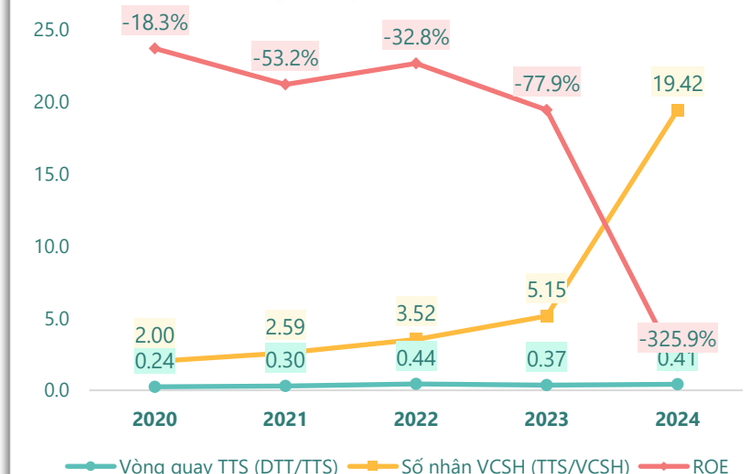
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



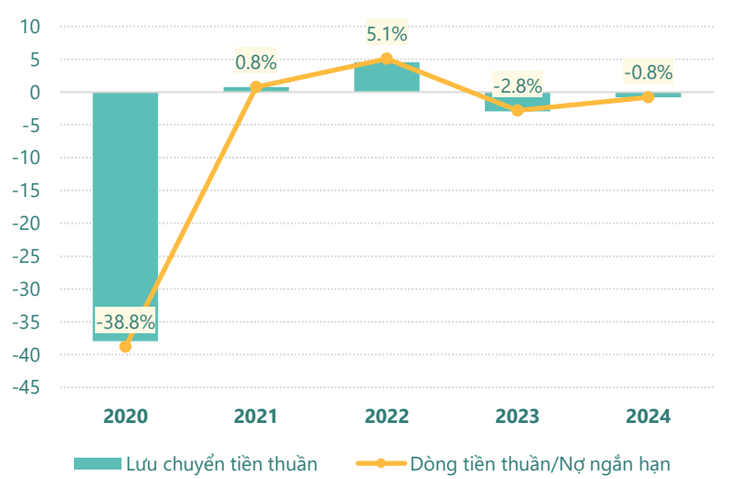
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**13.3**	**17.2**	**-22.9%**	**22.2**	**27.9**	**-20.3%**
Giá vốn hàng bán	11.0	15.7	-29.8%	19.4	26.2	-26.1%
Lợi nhuận gộp	2.23	1.49	50.0%	2.84	1.64	73.3%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.07	-98.8%	0.03	0.07	-64.7%
Chi phí TC	0.61	1.06	-42.8%	0.85	1.41	-39.9%
Chi phí lãi vay	0.21	0.32	-34.4%	0.45	0.66	-32.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.67	0.90	-26.1%	1.58	1.86	-14.7%
Chi phí QLDN	**1.52**	**3.18**	**-52.1%**	**3.04**	**4.80**	**-36.7%**
LN thuần từ HĐKD	-0.56	-3.58	84.4%	-2.60	-6.35	59.0%
Lợi nhuận khác	**-0.53**	**-1.24**	**57.2%**	**-0.92**	**-2.46**	**62.6%**
LN trước thuế	-1.09	-4.82	77.4%	-3.52	-8.81	60.0%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.09**	**-4.82**	**77.4%**	**-3.52**	**-8.81**	**60.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.09**	**-4.82**	**77.4%**	**-3.52**	**-8.81**	**60.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.03	-1.61	-1.74	2.25	-1.17	0.86
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	1.55	0.00	0.10	2.71	-1.87
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.13	1.29	0.01	-2.08	-1.66	-2.01
Tiền đầu kỳ	4.18	2.02	3.25	1.52	3.38	3.27
Lưu chuyển tiền thuần	**-2.16**	**1.23**	**-1.73**	**0.27**	**-0.12**	**-3.02**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	2.02	3.25	1.52	1.79	3.27	0.25

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**97.7**	**103**	**-5.0%**
Tài sản ngắn hạn	31.3	33.9	-7.5%
Tiền và tương đương tiền	0.25	3.38	-92.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	1.08	-100%
Phải thu ngắn hạn	15.5	10.7	45.8%
Hàng tồn kho	13.3	15.7	-15.6%
Tài sản ngắn hạn khác	2.27	3.01	-24.6%
Tài sản dài hạn	**66.4**	**68.9**	**-3.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	47.6	49.9	-4.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	1.33	1.33	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**17.4**	**17.8**	**-2.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	105	106	-1.5%
Nợ ngắn hạn	**105**	**99.4**	**5.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.1	6.75	49.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	65.7	64.2	2.4%
Nợ dài hạn	0	7.00	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	7.00	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-7.12**	**-3.60**	**-97.8%**
Vốn chủ sở hữu	**-7.12**	**-3.60**	**-97.8%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)